

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 143/2023/DS-GĐT

Ngày 13/7/2023

V/v tranh chấp quyền sở hữu và các
quyền khác đối với tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán gồm có: 09/13 thành viên tham gia xét xử,
do ông Bùi Đức Xuân - Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ
Chí Minh làm chủ tọa phiên tòa.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Lí - Thẩm tra viên.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh
chấp quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp TP, xã KĐ, huyện D, tỉnh M.

1.2. Ông Trần Thanh T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp TP, xã KĐ, huyện D, tỉnh
M.

1.3. Bà Trương Mỹ H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh B.

1.4. Ông Nguyễn Thanh H1 (đã chết ngày 17/7/2019);

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H1: Ông Nguyễn Thái P1
(Nguyễn Thảo P1), bà Đỗ Thị H3 (cha mẹ ruột của ông H1) và anh Nguyễn Văn V,
anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị T2 (con ruột ông H1); Cùng địa chỉ: Ấp TH,
xã Đ, huyện D, tỉnh M.

Đại diện cho ông P1, bà H3, anh V, anh N, chị T2: Ông Trần Thanh T. Cư trú
tại: Ấp TP, xã KĐ, huyện D, tỉnh M (Theo các Văn bản ủy quyền ngày 12/9/2022
và 13/9/2022).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1955; Địa chỉ: 93, Ấp F, xã VT, thành phố M, tỉnh M.

2.1. Bà Trần Thị H4, sinh năm 1960; Địa chỉ: 93, Ấp F, xã VT, thành phố M, tỉnh M.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H4: Ông Nguyễn Văn Q (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/12/2021).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm 1994; Địa chỉ: 39A, Ấp Z2, xã VT, thành phố M, tỉnh M.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T3: Ông Cao Quốc T4, sinh năm 1975; Địa chỉ: 231 BC, Khóm 5, Phường 7, thành phố M, tỉnh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Trần Thanh T trình bày: Ông T và vợ là bà Nguyễn Thị P có cho vợ chồng ông Q, bà H4 vay tài sản từ năm 2017, sau đó ông Q, bà H4 không trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Tại Bản án số 91/2018/DS-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố M buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị H4 trả cho ông Trần Thanh T, bà Nguyễn Thị P số tiền 190.000.000 đồng và 08 lượng vàng 24K. Tại Bản án số 91/2018/DS-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh M đã Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án ngày 24/10/2018 (do ông Q kháng cáo nhưng không tham gia phiên tòa).

Ngày 24/10/2018 và ngày 06/3/2019, ông T và bà P yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M thi hành bản án, quyết định trên. Quá trình thi hành án, Chi cục Thi hành án ban hành Quyết định số 32/QĐ-CCTHADS ngày 27/02/2019 về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của ông Q, bà H4 gồm:

- Công bồi đắp, thành quả lao động trên đất và tài sản gắn liền với đất bị kê biên tọa lạc tại Ấp Z2, xã VT, thành phố M, tỉnh M có tổng diện tích 51,3m² thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 19 theo bản đồ và sổ mục kê thành lập năm 2009 do ông Nguyễn Văn Q đứng tên;

- Công bồi đắp, thành quả lao động trên đất và tài sản gắn liền với đất bị kê biên tọa lạc tại ấp 4, xã VT, thành phố M, tỉnh M có tổng diện tích 69,10m² thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 30 theo bản đồ và sổ mục kê thành lập năm 2009 do ông Nguyễn Văn Q đứng tên;

- Quyền kinh doanh bến đò ngang sông theo Giấy phép hoạt động bến đò khách ngang sông (Bến đò Ấp Z2 - Ấp 4, thành phố M) số 426/GPKNS do Sở giao thông vận tải M cấp ngày 14/12/2018 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số

61A8007554 do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố M cấp ngày 30/3/2010.

- Phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 24433/ĐK do Sở giao thông vận tải M cấp ngày 30/3/2016;

- Phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 21578/ĐK do Sở giao thông vận tải M cấp ngày 23/3/2010;

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện việc cưỡng chế kê biên, xử lý các tài sản trên, bà Nguyễn Thị Kim T3 là con của ông Q cho rằng tài sản trên thuộc quyền sở hữu của bà T3 vì ông Q, bà H4 đã chuyển nhượng toàn bộ tài sản nói trên cho bà T3. Ngày 16/5/2019, Chi cục Thi hành án ban hành Thông báo số 286/TB-THADS thông báo cho ông H1, ông T, bà P, bà H và một số người được thi hành án khác biết và đề nghị nộp đơn yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án nêu trên. Do đó, ông H1 và bà P, ông, bà H nộp đơn yêu cầu yêu cầu Tòa án xác định các tài sản theo Quyết định số 32/QĐ-CCTHADS ngày 27/02/2019 thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Q, bà H4. Vụ việc được Tòa án nhân dân thành phố M giải quyết bằng Quyết định số 35/2019/QĐ-ST ngày 08/10/2019, và Tòa án nhân dân tỉnh M giải quyết bằng Quyết định số 01/2020/QĐ-PT ngày 08/01/2020. Ngày 16/3/2021 vụ việc bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định giám đốc thẩm số 67/2021/VDS-GĐT ngày 16/3/2021: Hủy toàn bộ Quyết định số 01/2020/QĐ-PT ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh M và Quyết định số 35/2019/QĐ-ST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, giao cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Nay ông cho rằng việc chuyển nhượng các tài sản nêu trên của ông Q, bà H4 là nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông và những người khác nên ông yêu cầu Tòa án hủy các hợp đồng chuyển nhượng, mua bán các tài sản giữa ông Q, bà H4 với bà T3, xác định các tài sản theo Quyết định số 32/QĐ-CCTHADS ngày 27/02/2019 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Q, bà H4 để thi hành án trả tiền lại cho vợ chồng ông.

Bà Nguyễn Thị P trình bày: thống nhất với lời trình bày của ông Trần Thanh T.

Người đại diện cho ông P1, bà H3, anh V, anh N, chị Thủy là ông Trần Thanh T trình bày:

Ông Nguyễn Thanh H1 có tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị H4. Tại Bản án số 95/2018/DS-ST ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố M đã buộc ông Q, bà H4 phải trả cho ông H1 số tiền 90.000.000 đồng cùng 09 lượng vàng 24K. Sau khi án sơ thẩm xử, ông Q, bà H4

kháng cáo nhưng vắng mặt hai lần nên Tòa án nhân dân tỉnh M đã Quyết định đình chỉ phúc thẩm vụ án dân sự số 36/2018 ngày 24/10/2018. Trong thời gian kháng cáo bản án sơ thẩm, ông Q, bà H4 đã chuyển nhượng toàn bộ tài sản còn lại cho con gái là bà Nguyễn Thị Kim T3. Ngày 24/10/2018, ông H1 yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M thi hành án. Quá trình thi hành án, Chi cục Thi hành án ban hành Quyết định số 32/QĐ-CCTHADS ngày 27/02/2019 về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của ông Q, bà H4.

Trong quá trình thực hiện cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản nêu trên, bà T3 cho rằng tài sản trên thuộc sở hữu của bà T3 vì ông Q đã chuyển nhượng toàn bộ tài sản trên cho bà T3. Do đó, ông H1 yêu cầu Tòa án xác định các tài sản trên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Q, bà H4. Quá trình giải quyết vụ án ông H1 bị tai nạn chết, những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H1 gồm ông P1, bà H3, anh V, anh N, chị T2 thống nhất phân trình bày của ông T.

Bà Trương Mỹ H trình bày: Tại Bản án số 18/2019/DS-ST ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị H4 có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 1.055.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay ông Q, bà H4 vẫn không thi hành án. Bà yêu cầu Tòa án hủy bỏ các hợp đồng chuyển nhượng, mua bán tài sản giữa ông Q, bà H4 với bà T3, xác định các tài sản theo quyết định kê biên số 32/QĐ-CCTHADS ngày 27/02/2019 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Q để thi hành án cho bà.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông thừa nhận ngoài việc thi hành án các khoản nợ theo các bản án, quyết định trên, ông và bà H4 còn thi hành nhiều bản án, quyết định khác của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và trả nợ cho nhiều người. Các tài sản theo Quyết định số 32/QĐ-CCTHADS ngày 27/02/2019 của Chi cục thi hành án về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản mà ông T, bà P, ông H1 và bà H yêu cầu, trước ngày 31/8/2018 thuộc quyền sở hữu của ông, bà nhưng vì ông, bà phải thực hiện nghĩa vụ khi thi hành án cho người khác nên bị Chi cục Thi hành án ra quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển nhượng quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản. Sau khi ông, bà H4 thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án đến ngày 31/8/2018, Chi cục Thi hành án ban hành Quyết định số 53/QĐ-CCTHADS về việc chấm dứt, tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản trên nên cùng ngày, ông và bà H4 đã ký hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa gồm 02 chiếc phà có đặc điểm như nêu tại Quyết định số 32/QĐ-CCTHADS ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án cho con gái là bà Nguyễn Thị Kim T3 với giá 150.000.000 đồng, hợp đồng có công chứng chứng thực. Đến ngày 12/9/2019, ông và bà H4 tiếp tục ký hợp đồng chuyển nhượng bên bờ khách ngang sông có vị trí, diện tích đúng theo Quyết định số 32/QĐ-CCTHADS đã nêu cho bà Nguyễn Thị Kim T3 với giá 660.000.000 đồng nhưng trong hợp đồng chỉ thể hiện số tiền chuyển nhượng là 100.000.000 đồng.

Bởi vì ông và bà H4 trước đó có vay của bà T3 số tiền 560.000.000 đồng nên hai bên đồng ý đối trừ, số tiền 100.000.000 đồng bà T3 cũng đã trả xong. Việc chuyển nhượng trên có chứng thực của UBND xã VT. Do đó, việc chuyển nhượng là đúng quy định, các tài sản trên thuộc quyền sở hữu của bà T3, không còn là tài sản của ông và bà H4 nên không đồng ý với yêu cầu của ông T, bà P, ông H1, bà H. Đồng thời, ông, bà H4 không tranh chấp với bà T3 đối với các tài sản đã chuyển nhượng và không yêu cầu xử lý hậu quả nếu các hợp đồng bị tuyên vô hiệu.

Người đại diện của chị Nguyễn Thị Kim T3 trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông Q, bà H4. Thời điểm chuyển nhượng, ông Q, bà H4 vẫn có quyền chuyển nhượng, không bị ngăn cấm được thể hiện tại Quyết định số 53/QĐ-CCTHADS ngày 31/8/2018 của Chi cục Thi hành án về việc chấm dứt tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản nên đến ngày 10/9/2018, chị T3 được Sở giao thông vận tải tỉnh M cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa và ngày 13/9/2018, chị T3 được UBND thành phố M cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với bến đò ngang sông (tọa lạc tại Ấp Z2 - Ấp 4, xã VT, thành phố M). Quyết định giám đốc thẩm số 67/2021 ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận định việc mua bán phương tiện thủy nội địa và chuyển nhượng bến đò khách ngang sông giữa bà và ông Q, bà H4 là hợp pháp, nên chị T3 không đồng ý với yêu cầu của ông T, bà P, ông H1 và bà H. Chị không tranh chấp với ông Q, bà H4 về các tài sản được nêu tại Quyết định số 32/QĐ-CCTHADS, ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án và không yêu cầu xử lý hậu quả và bồi thường thiệt hại nếu các hợp đồng chuyển nhượng trên bị tuyên vô hiệu.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 302/2022/DS-PT ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh M đã tuyên xử (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T, bà Nguyễn Thị P và bà Trương Mỹ H và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H1.

Tuyên bố hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa được giao kết giữa ông Nguyễn Văn Q cùng bà Trần Thị H4 với chị Nguyễn Thị Kim T3 ngày 31/8/2018 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Đất Mũi và Hợp đồng chuyển nhượng bến đò khách ngang sông được giao kết giữa ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị H4 với chị Nguyễn Thị Kim T3 vào ngày 12/9/2018 vô hiệu.

Tuyên bố các tài sản mà Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M đã thực hiện việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản theo Quyết định số 32/QĐ-CCTHADS ngày 27/02/2019 thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị H4.

Buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị H4 liên đới trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim T3 số tiền nhận chuyển nhượng 250.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn tuyên về phần lãi suất chậm trả, án phí và hiệu lực của bản án.

Ngày 19/12/2022, ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị H4 và chị Nguyễn Thị Kim T3 có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Ngày 27/3/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 68/QĐ-VKS-DS kháng nghị đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị, hủy bản án phúc thẩm và sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2018/DS-ST ngày 31/7/2018 và Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2018/DS-ST ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh M đã tuyên buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị H4 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị P, ông Trần Thanh T số tiền 190.000.000 đồng và 8 lượng vàng 24K; thanh toán cho ông Nguyễn Thanh H1 số tiền 90.000.000 đồng và 09 lượng vàng 24K. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông H4 và bà Q kháng cáo. Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông H4 và bà Q vắng mặt, Tòa án nhân dân tỉnh M đã đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với hai vụ án nêu trên. Tuy nhiên, trong thời gian Tòa án nhân dân tỉnh M xem xét kháng cáo của ông H4 và bà Q thì ngày 31/8/2018, ông H4 và bà Q ký hợp đồng chuyển nhượng 02 phương tiện thủy nội địa trên cho con gái là chị Nguyễn Thị Kim T3; ngày 12/9/2018 ký hợp đồng chuyển nhượng bến đò khách ngang sông cho chị T3.

[2] Ông Q, bà H4 xác định các tài sản trên ông bà đã chuyển nhượng cho chị T3 và không còn tài sản nào khác để thi hành án. Tại Công văn số 478/SGTVT-CL&HT ngày 16/3/2022 của Sở Giao thông vận tải tỉnh M xác định về quyền kinh doanh bến đò khách ngang sông theo Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông đối với bến đò Ấp Z2, ấp 4 hiện vẫn do ông Q đứng tên và trên thực tế, ông Q xác định 02 bến đò trên vẫn do ông Q trực tiếp quản lý, khai thác kinh doanh. Tại Thông báo số 20/TB ngày 01/11/2019 của UBND xã VT, thành phố M về việc thông báo thu hồi hợp đồng chuyển nhượng bến đò khách ngang sông giữa ông Q, bà H4 với chị T3 do ký không đúng thẩm quyền. Như vậy, thực tế việc kinh doanh bến đò khách ngang sông vẫn do ông Q thực hiện.

[3] Xét thấy, ông Q, bà H4 phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ trên cho bà P, ông T, ông H1 nhưng việc chuyển nhượng cho con gái là chị T3 với giá thấp, không đúng giá trị thực tế và cho rằng cản trở nợ của chị T3, sau khi chuyển

nhượng thực tế vẫn quản lý, kinh doanh tài sản đã chuyển nhượng nên việc chuyển nhượng trên là giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người thứ ba. Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định việc chuyển nhượng giữa ông Q, bà H4 với bà T3 hợp pháp bởi việc chuyển nhượng không thuộc trường hợp bị cấm hoặc bị tạm thời ngăn chặn là không có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm số 68/QĐ-VKS-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 302/2022/DS-PT ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh M về vụ án “*Tranh chấp quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản*” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị P, ông Trần Thanh T, bà Trương Mỹ H, ông Nguyễn Thanh H1 với bị đơn là ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị H4;

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án (*để báo cáo*);
- Vụ pháp chế và QLKH - TANDTC (*để biết*);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh M;
- TAND thành phố M, tỉnh M;
- Chi Cục THADS thành phố M, tỉnh M;
- Các đương sự (*theo địa chỉ*);
- Lưu: VT (VP, GĐKT II, THS), hồ sơ vụ án.
(P.T.L)

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
P. CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Xuân